TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/DS-PT
Ngày: 12-3-2020
V/v tranh chấp kiện đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử Phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà : Bà Phạm Thị Khánh Thiện.

Các thẩm phán: Ông Vũ Thanh Tuấn.

Ông Trần Hữu Hiệu.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Đàm Thị Hạnh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 12/3/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 70/2019/TLPT-DS ngày 25/12/2020 về việc tranh chấp kiện đòi tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2019/DS-ST ngày 08/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 10/2020/QĐ-PT ngày 20/02/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Vũ Thị Y** (tên gọi khác N), sinh năm 1953, có mặt.

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện Th1, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Th**, sinh năm 1951, có mặt.

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện Th1, tỉnh Hải Dương.

3. Người kháng cáo:

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Th**, sinh năm 1951, có mặt.

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện Th1, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Vũ Thị Y trình bày: Ngày 18/3/2012 âm lịch (dương lịch ngày 08/4/2012) bà cho bà Nguyễn Thị Th vay 200.000.000 đồng, lãi suất 2,8%/tháng, 15 ngày trả tiền lãi một lần, thời hạn vay là 06 tháng, kể từ ngày vay tiền. Khi cho vay tiền có lập văn bản Giấy vay tiền, ghi ngày 18/3/2012 âm lịch. Sau khi cho bà Th vay tiền, bà Th đã trả tiền lãi 03 tháng (từ ngày 18/3/2012 âm lịch; dương lịch ngày 08/4/2012 đến ngày 18/5/2012 âm lịch; dương lịch ngày 06/7/2012) là 16.000.000 đồng, sau đó bà Th không thanh toán trả tiền lãi như cam kết. Hết thời hạn 06 tháng, kể từ ngày vay tiền bà Th không trả. Vì vậy, bà Vũ Thị Y khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Th phải có nghĩa vụ, trách nhiệm thanh toán trả bà số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng. Tuy nhiên, do bà đã nhận số tiền lãi 03 tháng của bà Th là 16.000.000 đồng, trong số tiền lãi này bà

xác định tiền lãi hợp pháp theo lãi suất cơ bản tại thời điểm năm 2012 là 9%/năm tương ứng với số tiền 6.750.000 đồng. Số tiền lãi vượt quá 150% là 9.250.000 đồng, bà Y đề nghị được trừ vào số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng, số tiền bà Th còn nợ lại là 190.750.000 đồng, bà Y tự nguyện cho bà Th số tiền 750.000 đồng. Sau khi trừ các khoản tiền nói trên, bà Vũ Thị Y yêu cầu bà Nguyễn Thị Th phải có trách nhiệm, nghĩa vụ thanh toán trả bà số tiền còn nợ lại là 190.000.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai, các tài liệu có trong hồ sơ bị đơn bà Nguyễn Thị Th, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là ông Lê Ngọc Th2 đều trình bày: Bà Th nhiều lần vay tiền của bà Vũ Thị Y trong khoảng thời gian từ năm 2005 đến năm 2012 (âm lịch), lãi suất vay là 3.000 đồng/một triệu/ngày; thời gian vay, vay bao nhiêu tiền bà Th không nhớ do hai bên vay, trả nhiều lần. Những tháng nào không trả được tiền lãi thì bà Y cộng dồn tiền lãi vào tiền nợ gốc, yêu cầu bà ký nhận bằng mã gốc mới, đến ngày 18/3/2012 âm lịch (dương lịch ngày 08/4/2012), bà ký nhận với bà Y số tiền nợ là 200.000.000 đồng, đã trả tiền lãi cho bà Y 54.000.000 đồng. Bà Thơm xác định do tiền lãi suất bà trả cho bà Y mức lãi suất vượt quá 150%, tại thời điểm thanh toán trả tiền lãi, nên bà đề nghị tính lại tiền lãi suất là 9%/năm bằng 1,125%/tháng, tiền lãi hợp pháp là 6.750.000 đồng, tiền lãi vượt quá 150% là 47.250.000 đồng (54.000.000 đồng - 6.750.000 đồng), đề nghị được đối trừ vào số tiền nợ gốc của bà Y. Do vậy, bà Nguyễn Thị Th chỉ có trách nhiệm, nghĩa vụ thanh toán trả bà Vũ Thị Yến số tiền 152.750.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2019/DS – ST ngày 08/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Th1, tỉnh Hải Dương đã căn cứ vào các Điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 255, 256, 281, 290, 471, 472, 473, 474, 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Các Điều 357, 468, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Điều 26 của Luật thi hành án dân sự. Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13, ngày 25/11/2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị Y (tên gọi khác là N). Buộc bà Nguyễn Thị Th phải có nghĩa vụ, trách nhiệm thanh toán trả cho bà Vũ Thị Y (tên gọi khác là N) số tiền là 190.000.000 (một trăm chín mươi triệu) đồng.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định.

Ngày 21/11/2019 bà Nguyễn Thị Th kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm

- Hủy bản án sơ thẩm ngày 08/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Th1.

- Tính lại số tiền lãi bà Th đã trả cho bà Y trên khoản nợ gốc 300.000.000 đồng đến ngày 18/3/2012 âm lịch và tiếp tục trả lãi trên khoản nợ gốc 200.000.000 đồng đến ngày 18/05/2012 theo lãi suất 3.000 đồng/ triệu/ngày để xác định số tiền lãi bà Th đã trả để trừ vào số tiền gốc mà bà đã trả cho bà Y.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các đương sự không xuất trình thêm được tài liệu chứng cứ mới nào khác.

- Nguyên đơn bà Vũ Thị Y giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đồng thời không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Th.

- Bị đơn, người kháng cáo bà Nguyễn Thị Th giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS:

- Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Th.
- Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 13/2019/DS-ST ngày 08/11/2019 của TAND huyện Th1.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, nghe ý kiến trình bày của các bên đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Th kháng cáo trong thời gian luật định là kháng cáo hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung:

Xét kháng cáo của bị đơn, HĐXX thấy:

[1]. Bà Th đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm số 13/2019/DS-ST ngày 08/11/2019 của TAND huyện Th1 với căn cứ đưa ra là TAND huyện Th1 không có bất kỳ thông báo nào cho bà Th về việc thụ lý vụ án và giải quyết vụ án. Ngày 04/11/2019 khi người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Th đến Tòa án để đăng ký thủ tục cho bà Th trong vụ án khác thì mới biết việc bà Y đang khởi kiện bà Th. Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, HĐXX nhận định thấy: Tại biên bản giao nhận tài liệu ngày 20/9/2019 (BL17); Biên bản lấy lời khai ngày 03/10/2019 (BL 20); Biên bản giao nhận tài liệu ngày 03/10/2019 (BL 23); Biên bản giao nhận tài liệu ngày 11/10/2019 (BL 32) đều thể hiện việc bà Th có nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không ký nhận vào biên bản, có xác nhận của những người làm chứng và đại diện chính quyền địa phương. Tại phiên tòa sơ thẩm bà Th và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Th có mặt. Điều đó thể hiện Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện thủ tục cấp, tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xác định không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bà Th.

[2]. Bà Th đề nghị Tòa án tính lại số tiền lãi đã trả cho bà Y trên khoản nợ gốc 300 triệu đồng đến ngày 18/3/2012 âm lịch và tiếp tục trả lãi trên khoản nợ gốc 200 triệu đồng đến ngày 18/5/2012 theo lãi suất 3.000 đồng/triệu/ngày để

xác định số tiền lãi đã trả để trừ vào số tiền gốc còn lại trả cho bà Y. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình thẩm vấn tại phiên tòa thì: bị đơn bà Nguyễn Thị Th xác định bà Th có vay tiền của bà Vũ Thị Y ban đầu là 300.000.000 đồng, có ký giấy nhận nợ do bà Y lưu giữ; ngày 18/3/2012 âm lịch, bà Th trả bà Y 100.000.000 đồng và ký xác nhận còn nợ lại 200.000.000 đồng, đã trả tiền lãi 54.000.000 đồng, chứ không phải bà Th vay mới của bà Y 200.000.000 đồng và yêu cầu tính lại lãi suất, phần lãi suất vượt quá lãi suất cơ bản đề nghị được đối trừ vào khoản nợ gốc của bà Y. Nguyên đơn bà Y cũng đã xác định có cho bà Th vay tiền nhiều lần, nhưng những khoản vay này hai bên đã thanh toán xong, trước thời điểm năm 2012 và đến ngày 18/3/2012 âm lịch bà Y cho bà Th vay 200.000.000 đồng như Giấy vay tiền, lập ngày 18/3/2012 âm lịch mà bà đã giao nộp cho Tòa án, bà Y xác nhận, chỉ nhận 16.000.000 đồng là tiền lãi do bà bà Th trả. Tại phiên tòa phúc thẩm bà Th không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh về việc bà Th vay bà Y 300.000.000 đồng và xác nhận giữa các bên chỉ còn nợ lại 200.000.000 đồng, đã trả tiền lãi 54.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của bà Th.

Từ những phân tích trên, xác định toàn bộ nội dung kháng cáo của bà Thơm không có căn cứ nên không được chấp nhận.

HĐXX cần giữ nguyên bản án Dân sự sơ thẩm số 13/2019/DS-ST ngày 08/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Th1, tỉnh Hải Dương.

Về án phí: Kháng cáo của bà Nguyễn Thị Th không được chấp nhận, tuy nhiên bà Th là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Th. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2019/DS–ST ngày 08/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Th1, tỉnh Hải Dương.

Căn cứ vào: Các Điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 255, 256, 281, 290, 471, 472, 473, 474, 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Các Điều 357, 468, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Điều 26 của Luật thi hành án dân sự. Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13, ngày 25/11/2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị Y (tên gọi khác là N). Buộc bà Nguyễn Thị Th phải có nghĩa vụ, trách nhiệm thanh toán trả cho bà Vũ Thị Y (tên gọi khác là N) số tiền là 190.000.000 *(một trăm chín mươi triệu)* đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì phải chịu lãi suất trên số tiền chậm thi hành cho đến khi thi hành xong. Mức lãi suất theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí DSST: Bà Vũ Thị Y không phải chịu tiền án phí dân sự sơ

thẩm. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị Th.

3. Về án phí DSPT: Miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị Th.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án 12/3/2020./.

Người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Khánh Thiện